

## NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NÔNG NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

### Factors influencing farming communities in course of agriculture industrialization and modernization in the Red River Delta rural area

Vũ Thị Bình<sup>1</sup>, Nguyễn Đình Hà<sup>2</sup>

#### SUMMARY

Industrialization and modernization of agriculture is one of the important contents in the country's industrialization strategy. In Red River Delta area, the industrialization exerted a great impact on rural farming community with regard to the demographical distribution, rural residential settlement and movement of the labor force migrating to city to find jobs when cultivated land gradually declines. Solutions to overcome to the challenges of industrialization and modernization of agriculture should be geared towards concentration of cultivated land, establishing specialized commercial farms, application of innovative farming practices and increasing of services in order to raise the income from both farm and off-farm activities.

**Keywords:** Industrialization and modernization of agriculture, farming communities, land use

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) nông nghiệp và nông thôn là một nội dung quan trọng trong tiến trình công nghiệp hoá đất nước. Nông nghiệp nông thôn là khu vực kinh tế có tiềm năng lớn về tài nguyên đất đai và lao động. Quá trình CNH đã tác động rất mạnh mẽ đến cộng đồng dân cư làm nông nghiệp, sự tác động này góp phần làm tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập, phân công lại lao động nông thôn, song nó cũng bộc lộ những hạn chế nhất định như: ruộng đất canh tác bị thu hẹp, công ăn việc làm thiếu, tính ổn định đời sống dân cư chưa được bảo đảm...(Đặng Kim Sơn, 2002). Điều đó đòi hỏi phải có những nghiên cứu tìm ra biện pháp

khắc phục. Đề tài nghiên cứu được đặt ra nhằm tìm những yếu tố tác động đến cộng đồng dân cư làm nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng trong quá trình CNH, HĐH, góp phần hoàn thiện dần mô hình cấu trúc dân cư nông thôn trong thời kỳ đổi mới.

#### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Điều tra thu thập thông tin, tài liệu, số liệu về kinh tế xã hội nông thôn ở một số địa phương vùng đồng bằng sông Hồng bằng cách thu thập tài liệu có sẵn về tình hình phát triển kinh tế xã hội theo số liệu thống kê ở cấp huyện, cấp xã và phỏng vấn hộ nông dân về hoạt động kinh tế theo phương pháp điều tra nhanh nông thôn (RRA) và điều tra xã hội học.

Xử lý số liệu điều tra bằng phần mềm Excel trên máy vi tính.

Thống kê, phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh tình hình kinh tế, đời sống xã hội và sử

<sup>1</sup> Bộ môn Quy hoạch Đất Đai, Khoa Đất và Môi trường

<sup>2</sup> Bộ môn Phát triển Nông thôn, Khoa Kinh tế & PTNT

## NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NÔNG NGHIỆP...

dụng tài nguyên trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với phát triển và phân bố dân cư đồng bằng sông Hồng (ĐBSH)

Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng đi đầu trong cả nước về thực hiện mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với những kết quả đáng ghi nhận: nhiều thành tựu công nghệ sinh học được đưa vào ứng dụng trong ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; các giống mới được đưa vào sử dụng phổ biến (Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam, 1995). Về thủy lợi hoá đã hình thành một mạng lưới các công trình thủy nông khá hoàn chỉnh, đảm bảo cho trên 80% diện tích cây hàng năm được tưới tiêu chủ động. Cơ giới hoá nông nghiệp cũng đang từng bước được khôi phục và phát triển cùng với phong trào dồn điền đổi ruộng diễn ra ở nhiều địa phương trong vùng.

Công nghiệp hoá và đô thị hoá có mối quan hệ mật thiết với nhau, đó là quá trình tất yếu trong phát triển kinh tế xã hội, nó tác động mạnh mẽ đến sự phân bố dân cư và lao động trong nông thôn, tạo ra sự gia tăng dân số cơ học, hay di dân diễn ra giữa các khu vực. Thực tế ở ĐBSH quá trình di dân diễn ra theo các xu hướng sau:

- Thứ nhất: di dân từ nông thôn ra các vùng đô thị để tìm kiếm việc làm, phần lớn sự di chuyển này diễn ra hàng ngày từ nơi thừa đến nơi thiếu lao động, hay từ nơi ở đến nơi làm việc nhưng không thay đổi chỗ ở. Đây là hiện tượng di dân "con lác" trong lao động. Hiện tượng di dân "con lác" này cũng đóng góp đáng kể vào tính hiệu quả của sản xuất, nhưng cũng gây ra không ít những khó khăn, phức

tạp trong xã hội. CNH, đô thị hoá càng cao thì loại di chuyển này càng tăng lên. Kiểu di dân này diễn ra chủ yếu ở các tỉnh lân cận Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, thị xã trong vùng.

- Thứ hai: di dân từ các vùng có điều kiện sống và lao động, cảnh quan và môi trường xấu đến nơi có các điều kiện tốt hơn. Nguyên nhân cơ bản của sự di dân này là do sự khác nhau về điều kiện sống và lao động, sự phát triển về việc làm giữa các khu vực. Sự khác nhau đó nảy sinh do sự thay đổi chức năng của điểm dân cư trong quá trình đô thị hoá, do xây dựng mới và mở rộng các cơ sở sản xuất với sự gia tăng nhu cầu lao động công nghiệp và dịch vụ. Ở ĐBSH kiểu di dân này chỉ diễn ra do dân cư nông thôn chuyển đến các vùng ven đô, quy mô nhỏ và tự phát.

Với xu hướng di chuyển dân cư và phân bố lực lượng lao động như trên gây tác động mạnh đến cấu trúc cộng đồng dân cư nông thôn ĐBSH. Di dân "con lác" có ưu điểm là năng động trong điều phối lao động, chi phí thấp cho xây dựng nhà ở và cơ sở hạ tầng do không phải thay đổi chỗ ở. Song nó cũng có nhược điểm là chi phí giao thông vận tải và hao phí thời gian, sức khỏe người lao động nhiều hơn. Di dân kiểu thứ hai góp phần trợ giúp giải quyết các nhiệm vụ dài hạn về phát triển cơ cấu kinh tế, sản xuất và phát triển xã hội, vì vậy đòi hỏi phải thay đổi cấu trúc điểm dân cư cho phù hợp với chức năng mới, nhằm phân bố hợp lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động xã hội.

Thực tế cho thấy quá trình CNH, HĐH đã tác động mạnh mẽ đến cấu trúc các điểm dân cư nông thôn vùng ĐBSH, làm thay đổi bộ mặt làng quê theo hướng đô thị hoá, khang trang, hiện đại hơn. Tuy nhiên sự tác động này

cũng bộc lộ nhiều tồn tại, đó là: tạo ra nhiều điểm dân cư phân tán, kéo dài, bám theo các trục đường giao thông, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống xã hội; tình trạng kiến trúc lộn xộn thiếu quy hoạch đồng bộ; môi trường xanh, sạch ở nông thôn đã phần nào bị xâm hại... Đây là vấn đề quan trọng và cấp bách, cần phải có giải pháp khắc phục để thực hiện thành công nhiệm vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn theo chủ trương của Đảng.

### 3.2. Thực trạng sử dụng đất đai và phát triển kinh tế nông hộ ĐBSH

*Tình hình sử dụng ruộng đất và kinh tế hộ nông dân*

Nghị quyết 6 Hội nghị BCH Trung ương khoá VI xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, các hộ nông dân được quyền sở hữu các tư liệu sản xuất, còn đất đai được giao sử dụng ổn định lâu dài. Cùng với sự đổi mới quan trọng khác trong chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước, sự đổi mới trong nông nghiệp, nông thôn ĐBSH đã góp phần quan trọng vào phát triển nông nghiệp của nước ta trong những năm vừa qua. Tuy nhiên bước phát triển tiếp theo của một nền nông nghiệp hàng hoá trong cơ chế thị trường đang đặt ra những thách thức mới về quan hệ đất đai.

Sự đòi hỏi phân phối bình quân đất đai đã tạo nên việc phân chia đất đai rất manh mún ở ĐBSH do đất chật người đông, bình quân mỗi hộ có từ 7 đến 10 thửa đất (Bảng 1). Điều này đang là một thử thách lớn cho quá trình tích tụ

ruộng đất tới những quy mô hợp lý với mục tiêu CNH, HĐH nền nông nghiệp, chuyển nông nghiệp thực sự sang sản xuất hàng hoá.

Sức ép về dân số và lao động đang là vấn đề bức xúc đối với ĐBSH trong việc tổ chức và phân công lại lao động. Bình quân diện tích đất canh tác chỉ còn khoảng 415 m<sup>2</sup>/người, và đang tiếp tục giảm do dân số tăng lên và nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Quỹ thời gian của người lao động nông thôn trong năm chỉ sử dụng được khoảng 70%, tỷ lệ lao động thiếu việc làm còn 5- 6% (Nguyễn Văn Khánh, 2001)

Năng lực vốn và trình độ sản xuất kinh doanh của đa số hộ nông dân còn rất thấp, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng đất đai.

Xu thế phát triển trong những năm tới là phải chuyển bớt một số lao động và dân cư sống bằng nông nghiệp sang lĩnh vực kinh tế khác. Song quan hệ đất đai phải được nhìn nhận và giải quyết theo quan điểm phát triển. Cùng với việc tạo điều kiện cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất, từng bước tích tụ ruộng đất vào những hộ nông dân làm ăn giỏi, biết kinh doanh nông nghiệp, đồng thời phải tạo ra nhiều việc làm từ các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ để chuyển dân lao động sang làm công nghiệp và dịch vụ.

*Phát triển kinh tế VAC và trang trại ở ĐBSH*

VAC (Vườn- Ao- Chuồng) điển tả phương

Bảng 1. Tình trạng manh mún ruộng đất ở một số địa phương ĐBSH

Địa phương	BQ số thửa/hộ ( số thửa)	BQ DT/thửa (m <sup>2</sup> /thửa)	Cá biệt (m <sup>2</sup> /thửa)	BQ số thửa/ha ( số thửa)
Phú Xuyên, Hà Tây	10 - 15	180 - 250	5 - 10	30 - 31
Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	8 - 12	250 - 280	8 - 10	18 - 25
Thuận Thành, Bắc Ninh	7 - 10	200 - 300	10 - 20	20 - 30

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2000)

## NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NÔNG NGHIỆP...

thức canh tác truyền thống tạo ra hệ sinh thái khép kín ở quanh nhà. Hệ sinh thái VAC xuất phát từ mô hình kinh tế hộ gia đình, nên có thể huy động mọi thành viên trong gia đình có điều kiện tham gia, góp phần trực tiếp giải quyết số lao động nhàn rỗi, đa dạng hoá thu nhập, xoá đói giảm nghèo trong nông thôn. VAC hàng hoá góp phần nhanh chóng cải thiện đời sống, làm VAC đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn từ 3-5 lần so với trồng lúa (đù lúa đạt năng suất cao đến trên 10 tấn/ha/năm).

ĐBSH đất chật người đông, mô hình VAC phù hợp với kinh tế hộ, có thể phát triển lên thành VAC hàng hoá và trang trại khi làm tốt việc dồn đổi ruộng đất. Mặt khác trang trại nông thôn cũng có thể mở rộng sang lĩnh vực chế biến, giải quyết liên hoàn từ sản xuất, chế biến thực phẩm sạch đến chế biến phế phụ phẩm cho chăn nuôi và chế biến phân thành khí đốt.

*Phát triển ngành nghề, công nghiệp nông thôn.*

Ngành nghề công nghiệp nông thôn bao gồm: công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở ĐBSH có lịch sử phát triển lâu đời làm ra nhiều sản phẩm phong phú. Trong những năm đổi mới nhiều làng nghề truyền thống được khôi phục, đồng thời cũng có nhiều làng nghề mới phát triển (Hội Khoa học Kinh tế, 1998). Theo thống kê chưa đầy đủ, đến nay vùng ĐBSH có

khoảng trên 600 làng nghề, trong đó có khoảng trên 1/3 là làng nghề truyền thống được duy trì và khôi phục phát triển. Những địa phương có nhiều làng nghề truyền thống trong vùng như: Nam Định 123 làng nghề; Hà Tây 73 làng nghề; Thái Bình 82 làng nghề; Bắc Ninh 64 làng nghề... Ở nông thôn tỷ lệ các hộ nông dân làm ngành nghề nhìn chung là thấp, tỷ lệ này cao hơn ở các làng nghề. Kết quả điều tra điểm ở một số xã vùng ĐBSH cho thấy số hộ thuần nông chiếm 60,8%; số hộ nông nghiệp kiêm ngành nghề chiếm 22,5%, số hộ chuyên ngành nghề chiếm 16,7%. Giá trị công nghiệp địa phương toàn vùng ĐBSH năm 2001 đạt 17.471 tỷ đồng, chiếm 20,7% trong tổng số chung cả nước, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 11.655 tỷ đồng.

### 3.3. Tác động của CNH, HĐH đến cộng đồng dân cư làm nông nghiệp ở ĐBSH

*Sự phát triển cơ sở hạ tầng làm thay đổi bộ mặt nông thôn theo hướng đô thị hoá*

Hạ tầng kỹ thuật tác động mạnh đến phát triển kinh tế nông thôn, đó là: sự mở rộng sản xuất, tăng sản phẩm hàng hoá đối với các vùng nông thôn có giao thông thuận lợi. Vùng có điện, nước, thông tin thuận lợi thì không những sản xuất phát triển mà các loại dịch vụ cũng có điều kiện phát triển mạnh như dịch vụ khoa học kỹ thuật, chế biến, thu mua nông sản phẩm, từ đó thu nhập của người dân được

Bảng 2. Một số chỉ tiêu bình quân về đất đai cho cơ sở hạ tầng vùng ĐBSH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 1995	Năm 2000	Ước tính 2005
Dân số trung bình ĐBSH	1000 ng.	14.172,50	14.984,50	15.401,24
Tổng diện tích đất xây dựng	ha	20.848	22.115	36.474
Đất các công trình, giao thông	ha	55.527	60.988	68.361
Một số chỉ tiêu bình quân				
Bình quân đất xây dựng/người	m <sup>2</sup> /người	14,7	14,7	23,7
Bình quân đất giao thông/người	m <sup>2</sup> /người	39,2	40,7	44,4

*Nguồn: Thống kê đất đai và quy hoạch sử dụng đất cả nước – Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2003)*

nâng lên. Các công trình công cộng được đầu tư xây dựng khang trang làm cho bộ mặt nông thôn được đổi mới, đời sống tinh thần của nông dân được cải thiện (Nguyễn Minh Tâm, 2000). Tuy nhiên khi cơ sở hạ tầng phát triển cũng kéo theo nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp tăng lên và gây sức ép nặng nề đối với tài nguyên đất nông nghiệp (Bảng 2).

Theo số liệu thống kê đến năm 2000 toàn vùng có 99,8% số xã có điện; 99,9% số xã có đường ô tô đến xã; 81,6% số thôn có đường ô tô đến thôn.

#### *Những biến đổi về cơ cấu đất đai nông nghiệp và nông thôn ĐBSH*

Do những biến đổi về chính sách ruộng đất trong thời kỳ đổi mới, cùng sự gia tăng dân số và tốc độ CNH cao nên tình hình ruộng đất ở ĐBSH có những biến đổi mạnh mẽ. Nhiều địa phương diện tích đất nông nghiệp (đặc biệt là đất canh tác hàng năm) không ngừng giảm sút, trong khi đó diện tích đất chuyên dùng và đất ở tăng lên nhanh chóng (Bảng 3).

Sau năm 2000 diện tích đất canh tác hàng năm của ĐBSH hầu như không còn khả năng để mở rộng, do tài nguyên đất đã được khai thác khá triệt để, trong khi đó diện tích đất canh tác bị chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp vẫn thường xuyên diễn ra. Đó là một thực tế khách quan của quá trình CNH, HĐH và đô thị hoá. Ước tính đến năm 2005 đất canh tác bình quân đầu người tiếp tục giảm cùng với sự gia tăng của đất chuyên dùng và đất ở. Sự biến đổi này còn diễn ra gay gắt hơn ở các giai đoạn đến trước và sau 2010. Điều đó đòi hỏi cơ cấu kinh tế nông thôn và cấu trúc làng xã phải có sự chuyển biến tích cực cả về nội dung và hình thức. Các địa phương cần phải có biện pháp thích hợp nhằm kịp thời khắc phục sự cạnh tranh gay gắt trong sử dụng

đất đai. Coi trọng công tác quy hoạch sử dụng đất, sử dụng đất tiết kiệm cho các mục đích phi nông nghiệp, quy hoạch các điểm dân cư tập trung theo hướng đô thị hoá, nhất là khu chung cư ven các khu công nghiệp ở vùng nông thôn.

#### *Một số nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến kinh tế nông hộ và giải pháp khắc phục.*

+ Tập quán sản xuất: ĐBSH mang nét đặc trưng của nông nghiệp lúa nước Việt Nam, nơi có lực lượng lao động tập trung khá cao, đủ việc làm lúc thời vụ nhưng quá dư thừa lao động lúc nông nhàn. Vì thế nông nghiệp phải thay đổi tập quán sản xuất, đa dạng hoá sản xuất hàng hoá cao, mặt khác nông nghiệp cũng phải kết hợp với nghề thủ công và các nghề phi nông nghiệp khác trong quy mô hộ để phân công lao động hợp lý, hạn chế di cư đi tìm kiếm việc làm ở thành phố.

+ Sự thay đổi cơ chế chính sách: nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng cơ chế chính sách quyết định đến sự thành bại của một nền kinh tế. Những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với nông nghiệp, nông thôn từ khi có Nghị quyết 10 cho đến nay đã cho chúng ta thấy rõ điều đó. Tuy nhiên những thách thức mới đặt ra cho cộng đồng dân cư làm nông nghiệp là đất canh tác bị thu hẹp, manh mún, lao động dư thừa nhiều, thiếu vốn để phát triển sản xuất, thiếu kiến thức, thị trường nông sản chưa phát triển... Đó là những vấn đề bức xúc đòi hỏi phải có một hệ thống cơ chế chính sách phù hợp, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nói trên.

+ Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, nông thôn: sử dụng công nghệ sinh học, đảm bảo một nền nông nghiệp sạch, phát triển bền vững. Thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nhằm giảm nhẹ sức lao động

## NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NÔNG NGHIỆP...

Bảng 3. Bình quân ruộng đất canh tác, đất ở, đất chuyên dùng trong khu dân cư nông thôn ĐBSH và một số địa phương điều tra

Khu vực	Năm 2000			Ước tính năm 2005		
	Đất CT m <sup>2</sup> /người	Đất ở m <sup>2</sup> /người	Đất CD m <sup>2</sup> /người	Đất CT m <sup>2</sup> /người	Đất ở m <sup>2</sup> /người	Đất CD m <sup>2</sup> /người
Đồng bằng Sông Hồng	415,1	54,2	134,4	383,5	53,3	144,9
Huyện Từ Sơn - Bắc Ninh	331,5	48,5	110,3	250,6	45,8	150,9
Huyện Tiên Hải- T. Bình	462,1	51,2	112,1	432,4	48,3	124,5
Huyện Phúc Thọ- Hà Tây	421,6	47,8	107,7	410,7	45,1	115,6
Huyện Kim Thành - Hải Dương	519,7	56,8	146,9	454,3	53,2	155,8

*Ghi chú: Đất CT: Đất canh tác; Đất CD: Đất chuyên dùng*

*(Nguồn : Số liệu thống kê- Bộ Tài nguyên và Môi trường; số liệu điều tra và dự báo, 2003*

trong nông hộ, giải phóng lao động sống, có cơ hội tham gia vào các ngành sản xuất khác có thu nhập cao hơn. Thực hiện vấn đề này cần thiết phải tăng cường đào tạo nghề cho đội ngũ lao động ở nông thôn. Nâng cao sự hiểu biết của nông dân để tiếp thu khoa học công nghệ mới, đồng thời phát huy những kiến thức và kinh nghiệm bản địa trong quá trình sản xuất. Từng bước chuyển sang kinh doanh nông nghiệp trong những trang trại, gắn sản xuất với chế biến và sản xuất với thị trường.

#### 4. KẾT LUẬN

Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSH đang từng bước diễn ra và có những tác động đến cộng đồng dân cư làm nông nghiệp. Những tác động đó diễn ra trên các mặt: sự phân bố lại lực lượng lao động và phân bố dân cư tới các thành phố, khu công nghiệp và phát triển tiểu thủ công nghiệp nông thôn. Từng bước thay đổi phương thức sử dụng đất nông nghiệp theo hướng tăng quy mô diện tích của hộ làm nông nghiệp, xoá bỏ dần tình trạng phân tán, manh mún đất đai. Hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp mới theo hướng trang trại, phát triển công nghiệp nhỏ và ngành nghề nông thôn để thực hiện phân công lao động tại chỗ, chuyển dân lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ,

tăng thu nhập và việc làm từ các lĩnh vực phi nông nghiệp. Hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá. Một số vấn đề về thay đổi tập quán sản xuất, đổi mới cơ chế chính sách và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cần được nhận thức đầy đủ trong tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

#### Tài liệu tham khảo

- Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam- Chương trình Sông Hồng (1995), *Nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng trong thời gian cải cách hiện nay*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, tr.11-15.
- Hội khoa học Kinh tế Việt Nam (1998), Tài liệu tập huấn: *Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng CNH, HĐH*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 193- 196, tập 1; tr. 186- 188, tập 2.
- Nguyễn Văn Khánh, (2001), *Biến đổi cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở vùng Châu thổ sông Hồng trong thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 17- 23
- Đặng Kim Sơn, (2002), *Một số vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 125 - 130.
- Nguyễn Minh Tâm, (2000), *Quy hoạch phát triển và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư nông thôn*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, tr.83- 86.
- Báo cáo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai cả nước đến năm 2010, (tháng 01 năm 2003) - Báo cáo tóm tắt, Bộ Tài nguyên và Môi trường, tr. 52-55.

